TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 21 – 02 – 2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lương

2. Ông Nguyễn Bảo Lâm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 21 tháng 02 năm 2019 tại Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1139/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị H , sinh năm 1987; địa chỉ: Xã A, huyện B, tỉnh Q. (vắng mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn I, sinh năm 1985; địa chỉ: Đường X, Phường O, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn ngày 26/11/2018 và lời trình bày tại bản tự khai ngày 10/12/2018 , nguyên đơn – bà Trần Thị H trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn I tự nguyện tiến tới hôn nhân,có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 08/3/2018 tại Ủy ban nhân dân Phường O, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số M. Sau khi kết hôn 01 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có sự tôn trọng lẫn nhau, ông I không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên ăn nhậu, tụ tập bạn bè; thỉnh thoảng có những hành động bạo lực và lời lẽ không hay xúc phạm bà nên vợ chồng đã sống ly thân từ cuối tháng 6/2018 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có

Bị đơn là ông Nguyễn Văn I trình bày: Vợ chồng ông tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn như bà H trình bày. Quá trình chung sống, do tính chất công việc nên vợ chồng ít có thời gian dành cho nhau: bà H thường xuyên đi làm ăn xa 1,2 tháng mới về ít ngày rồi lại đi, ông thì

có những mối quan hệ ngoại giao nên từ đó vợ chồng xích mích, mâu thuẫn và không tin tưởng lẫn nhau. Bản thân ông không muốn ly hôn nhưng bà H kiên quyết ly hôn nên ông cũng đồng ý ly hôn vì vợ chồng không thể chung sống nếu chỉ một mình ông níu kéo và bà H không còn tình cảm với ông.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị H có đơn yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn I, do ông I cư trú tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Do cả nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt và dành quyền kháng cáo cho hai bên đương sự theo quy định.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số M, đăng ký ngày 08/3/2018 do Ủy ban nhân dân Phường O, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thì hôn nhân của bà H và ông I là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo bà H trình bày, quá trình chung sống vợ chồng không có sự thông cảm, chia sẽ và tôn trọng lẫn nhau. Phía ông I cũng đồng ý ly hôn do vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – bà Trần Thị H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn I.

1.2. Về con chung: Hai bên khai nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Hai bên khai nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

1.4. Về nợ chung: Hai bên khai nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Trần Thị H chịu, được cấn trừ vào số tiền bà H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/00xx ngày xx/xx/xx của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân nhân dân quận T, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.T;
- CCTHADS Q.T;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (…).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Bích Thảo